

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2021/DSST

Ngày: 03-12-2021

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Ngọc Phúc

2. Bà Phạm Thị Huệ.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Trung Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2021/TLST- DS ngày 12 tháng 10 năm 2021 về việc “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXX-ST ngày 19 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (có mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Nguyễn Thị H:* Bà Nguyễn Thị Hằng và ông Hoàng Văn Doãn Luật sư công ty Luật TNHH Hà Trọng Đại và cộng sự thuộc đoàn luật sư thành phố Hà Nội (có mặt).

2. Bị đơn: 1. Anh Nguyễn Duy Q, sinh năm 1997 (có mặt)

2. Chị Tô Thị Thùy L, sinh năm 1999 (có mặt)

Đều ở địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại phiên tòa, ông Hoàng Văn Doãn là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp

pháp cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Ngày 27-01-2021 (tức ngày 15-12-2020 âm lịch) chị Nguyễn Thị H có cho vợ chồng anh Nguyễn Duy Q và chị Tô Thị Thùy L cùng ở địa chỉ thôn T, xã C, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vay số tiền 340.000.000 đồng (Ba trăm bốn mươi triệu đồng), khi vay có viết giấy mượn tiền. Giấy mượn tiền do anh Q là người trực tiếp viết, mục đích vay để làm ăn, lãi suất là 1.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày; thời gian trả nợ là ngày 24-7-2021 (tức ngày 15-6-2021 âm lịch) anh Q và chị L sẽ trả đủ cả gốc và lãi cho chị H. Khi chị H giao tiền, anh Q và chị L cùng đến nhà chị H nhận tiền nhưng chỉ một mình anh Q ký vào giấy mượn tiền. Đến thời hạn trả nợ ngày 24-7-2021 (tức ngày 15-6-2021 âm lịch) anh Q và chị L không trả cho chị H số tiền gốc và lãi như đã thỏa thuận. Chị H đã đòi nhiều lần nhưng anh Q và chị L vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như nội dung đã cam kết trong giấy mượn tiền. Số tiền chị H cho anh Q và chị L vay là khoản tiền của cá nhân chị H không liên quan gì đến chồng chị (anh Nguyễn Đình C). Ông Doãn yêu cầu Tòa án buộc anh Q và chị L phải trả cho chị H số tiền nợ gốc là 340.000.000 đồng; số tiền lãi trên nợ gốc tính từ ngày 27 - 01 - 2021 đến ngày 24 - 7 - 2021 với lãi suất là 20%/năm; số tiền lãi quá hạn tính từ ngày 25 - 7 - 2021 đến ngày 03 -12 - 2021; số tiền lãi chậm trả tính từ ngày 25- 07 - 2021 đến ngày 03 - 12 - 2021 theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Hằng là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Nguyễn Thị H trình bày: Bà nhất trí với trình bày của ông Hoàng Văn Doãn.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị nhất trí với trình bày của ông Doãn. Anh Q và chị L đề nghị mỗi tháng trả cho vợ chồng chị số tiền 15.000.000 đồng đến khi trả hết số nợ chị không nhất trí. Anh Q trình bày anh đã trả cho chị được 3 tháng tiền lãi của số tiền gốc như thỏa thuận trong giấy vay tiền là không đúng, đến nay chị xác định vợ chồng anh Q và chị L chưa trả được cho chị khoản tiền gốc và lãi nào theo giấy mượn tiền nói trên.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Duy Q trình bày: Từ trước ngày 15-12-2020 âm lịch vợ chồng anh (Q và L) nhiều lần vay tiền của chị Nguyễn Thị H sinh năm 1984, địa chỉ thôn T, xã C, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, mỗi lần vay, số tiền cụ thể anh không nhớ rõ, vợ chồng anh vay tiền của chị H với mức lãi suất từ 3.000 đồng, 2.000 đồng và 1.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày; các lần vay tiền của chị H vợ chồng anh đều trả đầy đủ cho chị H cả tiền gốc lẫn lãi. Vào năm 2019, vợ chồng anh có vay tiền của chị H, số tiền cụ thể bao nhiêu anh không nhớ, đến ngày 27-01-2021 dương lịch (tức ngày 15-12-2020 âm lịch) vợ chồng anh chưa trả hết

được cho chị H số tiền vay nên vợ chồng anh chốt nợ với chị H với nội dung vợ chồng anh vay của chị H số tiền 340.000.000 đồng (Ba trăm bốn mươi triệu đồng). Khi chốt nợ anh là người viết giấy mượn tiền ghi ngày 15-12-2020 âm lịch. Mục đích vay là để vợ chồng anh làm ăn (mở quán ăn), có thỏa thuận và ghi lãi suất vay là 1.000 đồng/1.000.000 đồng/ 01 ngày, và hạn đến ngày ngày 24-7-2021 (tức ngày 15-6-2021 âm lịch) sẽ trả hết cả gốc và lãi. Vợ chồng anh đã trả được 03 tháng tiền lãi như đã thỏa thuận. Đến tháng 4 năm 2021 do làm ăn khó khăn nên vợ chồng anh không trả được tiền lãi như trong thỏa thuận và đến thời hạn trả nợ gốc vợ chồng anh không trả được cho chị H số tiền gốc và lãi như thỏa thuận trong giấy mượn tiền. Anh xác định vợ chồng anh có vay và còn nợ của chị H số tiền gốc là 340.000.000 đồng với lãi suất như chị H trình bày. Vì hiện nay tình hình kinh tế của vợ chồng anh khó khăn, vợ chồng anh đề nghị được trả dần số tiền trên cho chị H với số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) mỗi tháng đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ trên và đề nghị chị H không tính lãi của khoản vay trên, nếu chị H không nhất trí, anh đề nghị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Số tiền lãi anh đã trực tiếp trả cho chị H được 03 tháng, cụ thể bao nhiêu anh không nhớ rõ, không có giấy tờ hay sổ sách gì, không có ai chứng kiến nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết đối trừ đối với số tiền lãi này với nghĩa vụ trả nợ của vợ chồng anh.

Tại phiên tòa, bị đơn chị Tô Thị Thùy L trình bày: Chị xác định lời trình bày của anh Q là đúng, hiện nay vợ chồng chị (Q và L) còn nợ chị H số tiền gốc là 340.000.000 đồng, vì kinh tế của vợ chồng chị hiện nay rất khó khăn nên chị đề nghị được trả dần số tiền trên cho chị H với số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) mỗi tháng đến vợ chồng chị khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ trên và đề nghị chị H không tính lãi của khoản vay trên, nếu chị H không nhất trí, chị đề nghị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Số tiền lãi anh Q là người trả cho chị H được 03 tháng, cụ thể bao nhiêu chị không rõ, chị không đề nghị Tòa án giải quyết đối trừ đối với số tiền lãi này với nghĩa vụ trả nợ của vợ chồng chị.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 357, Điều 463, Điều 464, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 24 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, buộc anh Nguyễn Duy Q và chị Tô Thị Thùy L có trách nhiệm thanh toán trả cho chị H số tiền nợ gốc là 340.000.000 đồng; số tiền lãi của số tiền nợ gốc với lãi suất 20%/ năm, tính từ ngày 27-01-2021 đến ngày 24-7-2021; số tiền lãi suất quá hạn và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 25-7-2021 đến ngày 03 -12-2021. Về án phí: Anh Q và chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Duy Q và chị Tô Thị Thùy L trả nợ số tiền 340.000.000 đồng theo giấy biên nhận vay tiền. Vì vậy đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản; bị đơn anh Nguyễn Duy Q và chị Tô Thị Thùy L có nơi cư trú tại thôn T, xã C, huyện Hưng Hà nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Giấy vay tiền ngày 27-01-2021 (tức ngày 15-12-2020 âm lịch) thể hiện nội dung anh Q vay của chị H số tiền 340.000.000 đồng (Ba trăm bốn mươi triệu đồng), lãi suất vay là 1.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ 01 ngày, và hạn đến ngày 24-7-2021 (tức 15-6-2021 âm lịch) sẽ trả hết cả gốc và lãi, anh Q và chị L thừa nhận có vay của chị H số tiền trên. Đây là Hợp đồng vay thể hiện sự tự nguyện, bình đẳng, không bên nào bị lừa dối, ép buộc, tuân thủ theo quy định tại Điều 116, 117 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên là hợp đồng hợp pháp do đó làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết khi ký hợp đồng. Anh Q và chị L trình bày đến hạn trả nợ do kinh tế khó khăn nên anh Q và chị L chưa có tiền trả nợ cho chị H theo như giấy vay tiền. Như vậy anh Q và chị L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên chị H khởi kiện yêu cầu anh Q và chị L trả nợ là có căn cứ.

Xét về nghĩa vụ trả nợ: Anh Q và chị L đều trình bày mục đích vay tiền của

chị H là vay để anh Q và chị L mở quán ăn nên mục đích vay tiền của anh Q là vay cho gia đình. Trình bày của anh Q và chị L phù hợp với trình bày của nguyên đơn nên anh Q và chị L phải có trách nhiệm trả nợ cho chị H. Do đó, để đảm bảo quyền lợi và thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Điều 463 và 466 của Bộ luật dân sự, cần buộc anh Q và chị L phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho chị H số tiền nợ gốc là 340.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu tính lãi của chị H: Trong quá trình chuẩn bị xét xử và trước phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải chị H cũng như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp không yêu cầu anh Q và chị L phải trả cho chị H số tiền lãi theo quy định của pháp luật. Đối với yêu cầu tính lãi này mặc dù phát sinh tại phiên tòa nhưng để đảm bảo cho việc giải quyết vụ án được dứt điểm nên HĐXX vẫn xem xét giải quyết đối với yêu cầu này chị H tại phiên tòa này.

Chị H yêu cầu anh Q và chị L phải thanh toán trả cho chị khoản tiền lãi của số tiền gốc 340.000.000 đồng kể từ ngày 27-01-2021 đến ngày 24-7-2021, lãi quá hạn và lãi suất chậm trả kể từ ngày 25-7-2021 đến ngày 03-12-2021. HĐXX thấy: Thời điểm anh Q chị L vay tiền của chị H được xác lập từ ngày viết giấy mượn tiền ngày 27-01-2021 (tức ngày 15-12-2020 âm lịch), tại giấy mượn tiền ghi thời hạn trả nợ là ngày 24-7-2021 (tức ngày 15-6-2021 âm lịch). Sau khi vay tiền của chị H anh Q và chị L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như cam kết. Tại giấy vay tiền ghi lãi suất là 1.000 đồng/1.000.000đồng /01 ngày, tuy nhiên tại phiên tòa chị H yêu cầu anh Q và chị L trả cho chị khoản tiền lãi của số tiền gốc với mức lãi suất là 20%/năm, HĐXX thấy yêu cầu này của chị H phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận yêu cầu này của chị H và số tiền lãi được tính từ ngày 27-01-2021 đến ngày 24-7-2021 là 05 tháng 27 ngày = $340.000.000 \text{ đồng} \times 5 \text{ tháng} \times 1,66\% = 33.299.000 \text{ đồng}$. Đối với yêu cầu tính lãi quá hạn và lãi chậm trả của khoản tiền gốc, HĐXX thấy: Đến hạn trả nợ gốc và lãi ngày 24-7-2021 anh Q và chị L không trả nợ gốc và lãi như cam kết nên theo quy định tại các Điều 357, Điều 466 và Điều 468, và Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì yêu cầu này của chị H phù hợp với quy định trên của pháp luật nên cần chấp nhận và số tiền lãi quá hạn được tính là: Từ ngày 25-7-2021 đến ngày 03-12-2021 là 04 tháng 08 ngày = $1,66\% \times 150\% = 2,49\% \times 340.000.000 \text{ đồng} \times 04 \text{ tháng} \times 08 \text{ ngày} = 36.121.600 \text{ đồng}$. Số tiền lãi chậm trả được tính là 04 tháng 08 ngày = $1,66\% : 2 = 0,83\%$; (số tiền lãi trong hạn là 33.299.000 đồng + số tiền lãi quá hạn là 36.121.600 đồng =

69.420.600 đồng); lấy $69.420.600 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 04 \text{ tháng} = 2.462.000 \text{ đồng}$. Tổng số tiền gốc và lãi anh Q và chị L phải trả cho chị H là $340.000.000 \text{ đồng tiền gốc} + 33.299.000 \text{ đồng tiền lãi trong hạn} + 36.121.600 \text{ đồng tiền lãi suất quá hạn} + 2.462.000 \text{ đồng tiền lãi suất chậm trả} = 411.883.560 \text{ đồng}$, làm tròn số thành 411.883.000 đồng. Anh Q và chị L trình bày anh Q đã trả được cho chị H 03 tháng tiền lãi theo thỏa thuận nhưng anh Q và chị L không yêu cầu Tòa án đối trừ đi khoản tiền này nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Anh Q và chị L là bên vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật là $411.883.000 \text{ đồng} = (20.000.000 \text{ đồng} + 11.883.000 \text{ đồng} \times 4\%) = 20.475.320 \text{ đồng}$, làm tròn số thành 20.475.000 đồng.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 1 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 357, Điều 463, Điều 464, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Căn cứ khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H đối với anh Nguyễn Duy Q và chị Tô Thị Thùy L. Buộc anh Nguyễn Duy Q và chị Tô Thị Thùy L có nghĩa vụ thanh toán trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền là 411.883.000 đồng (Bốn trăm mười một triệu, tám trăm tám mươi ba nghìn đồng).

2. Về án phí: Anh Nguyễn Duy Q và chị Tô Thị Thùy L phải chịu 20.475.000 đồng (Hai mươi triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trả lại chị Nguyễn Thị H 8.500.000 đồng (Tám triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003417 ngày 12 tháng 10 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ nếu người phải thi hành không thi hành khoản tiền trên thì còn phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Chị H, anh Q và chị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án ND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Hưng Hà;
- Chi cục THADS huyện Hưng Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Bích Thủy

